



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Thời gian: 7h30' ngày 23 tháng 6 năm 2020;

Địa điểm: Hội trường tầng 3, khách sạn Bằng Giang.

Địa chỉ: Số 01, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện	Hình thức biểu quyết
1	7h00-7h30	- Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông	Ban tổ chức	
		- Đăng ký và kiểm tra tư cách dự ĐH cổ đông	Ban kiểm tra	
2	7h30-8h00	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	Ban kiểm tra	
		- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.	Ban tổ chức	
		- Giới thiệu và mời Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa.	Ban tổ chức	
		- Khai mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội	
3	8h00-8h30	- Giới thiệu và thông qua Ban thư ký	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
		- Giới thiệu và Đại hội Bầu (bằng hình thức biểu quyết thông qua) Ban kiểm phiếu		Thẻ biểu quyết
		- Thông qua quy chế tổ chức Đại hội	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
		- Thông qua chương trình Đại hội	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
4	8h30-9h30	- Báo cáo bổ nhiệm Giám đốc Công ty	Chủ tọa Đại hội	
		- Tờ trình Thông qua việc miễn nhiệm, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 - 2021.	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
		- Tờ trình Thông qua danh sách đề cử ứng viên để bầu cử thay thế người giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2021.	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
		- Bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016 - 2021.	Ban Kiểm phiếu	
5	9h30-10h30	- Thông qua báo cáo kết quả SXKD thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020.	Giám đốc Công ty	Thẻ biểu quyết
		- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
		- Thông qua báo cáo hoạt động của BKS 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.	Trưởng BKS	Thẻ biểu quyết

		- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.		
		- Tờ trình thông qua BC tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.	Kế toán trưởng	Thẻ biểu quyết
		- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.		
		- Tờ trình thực hiện chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020.		
6	10h30-11h00	- Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung các báo cáo và tờ trình nêu trên.	Chủ tọa Đại hội	
7	11h00-11h15	- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu	
8	11h15-11h30	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội	Thẻ biểu quyết
9	11h30	- Bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Cao Bằng.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Chương II

**ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHĐCĐ,
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ**

Điều 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 03/6/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình ĐHĐCĐ.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết (trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại ĐHĐCĐ.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Trường hợp được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ: nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó; nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự ĐHĐCĐ không nhận Thẻ biểu quyết/ Phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết/ Phiếu biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, cổ đông/ đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 19, Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là "không có ý kiến" với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa đại hội có thể mời 01 thành viên trong HĐQT hoặc Ban điều hành Công ty để cùng điều hành ĐHĐCĐ.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

a) Chủ trì, điều khiển ĐHĐCĐ;

b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;

c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 142, Luật Doanh nghiệp và Khoản 7 Điều 19, Điều lệ công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc ĐHĐCĐ và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

- a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.
- b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước ĐHĐCĐ về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.
- c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 07 (bảy) thành viên, gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

- a) Hướng dẫn cổ đông tham dự ĐHĐCĐ cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm số phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
- b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại ĐHĐCĐ.
- c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của ĐHĐCĐ.
- d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
- e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, toàn bộ phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết cho Thư ký Đại hội.
- f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 3 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và khách mời xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết/ phiếu biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Chương III.

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 03/6/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 nói trên thì việc triệu tập và ĐHĐCĐ các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội (*Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo*)

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội

đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thê lệ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết (nội dung giơ thẻ, nội dung bỏ phiếu biểu quyết được quy định cụ thể tại chương trình đại hội).

a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết như sau:

- Nếu bằng hình thức giơ thẻ: Cổ đông giơ thẻ biểu quyết lên cao;

- Nếu bằng hình thức phiếu biểu quyết: Cổ đông đánh dấu vào ô tương ứng của nội dung đó trong phiếu biểu quyết.

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

3. Trường hợp phiếu không hợp lệ: (i) phiếu không do Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Cao Bằng phát hành (không đóng dấu của Công ty) (ii) Phiếu không có chữ ký và không ghi đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền (iii) phiếu bị tẩy xóa hoặc ghi thêm những nội dung khác không do Chủ tọa đại hội yêu cầu (iv) phiếu không được đánh dấu bất kỳ một (01) ô nào trong từng một nội dung biểu quyết hoặc đánh dấu nhiều hơn một (01) ô cần lấy ý kiến.

4. Điều kiện thông qua

Các quyết định của Đại hội sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết

1. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 15. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về

tính chính xác, trung thực của Biên bản họp ĐHĐCĐ.

2. Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc ĐHĐCĐ.

3. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ là cơ sở để đưa ra Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 16. Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của ĐHĐCĐ gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ bế mạc.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Luyện Kim Cao Bằng bao gồm 04 chương, 17 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

3. ĐHĐCĐ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tiến Hải

Số: 471/TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 08 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v **Miễn nhiệm và Bầu cử thay thế Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ – VIMICO ngày 08/4/2020 của HĐQT Tổng công ty Khoáng sản – TKV;

Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

HĐQT Công ty Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét, quyết định các nội dung sau đây:

1. Về tư cách thành viên HĐQT:

HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 – 2021 bao gồm 05 thành viên, trong đó các ông (bà): Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Bá Nghiệm, Nguyễn Tiến Hảo, Nguyễn Thị Phương Thảo tham gia HĐQT với tư cách là người đại diện quản lý phần vốn của cổ đông Tổng công ty Khoáng sản - TKV (VIMICO) và được VIMICO giới thiệu đề cử là ứng viên tham gia ứng cử để bầu giữ chức vụ TV HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016 - 2021. Ngày 20 tháng 5 năm 2016, các ông (bà) nêu trên được bầu giữ chức vụ thành viên HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Ngày 08/4/2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã ban hành Quyết định số 304/QĐ-VIMICO về thay đổi Người đại diện của Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, theo đó các ông (bà): Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Bá Nghiệm, Nguyễn Tiến Hảo, Nguyễn Thị Phương Thảo sẽ không còn là người đại diện quản lý phần vốn của VIMICO tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng kể từ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Do đó, theo quy định tại Điểm f Khoản Khoản 7 Điều 24 Điều lệ Công ty thì các ông (bà) có tên nêu trên không còn tư cách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2021 kể từ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

2. Về tư cách thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 - 2021 bao gồm 03 thành viên, trong đó bà: Mai Hạnh Duyên tham gia Ban kiểm soát với tư cách là người đại diện của cổ đông Tổng công ty Khoáng sản -

TKV (VIMICO) và được VIMICO giới thiệu đề cử là ứng viên tham gia ứng cử để bầu Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016 - 2021. Ngày 20 tháng 5 năm 2016, bà Mai Hạnh Duyên được bầu giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Ngày 08/4/2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã ban hành Quyết định số 304/QĐ-VIMICO về thay đổi Người đại diện của Tổng công ty tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, theo đó bà Mai Hạnh Duyên sẽ không còn là người đại diện của VIMICO tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng kể từ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Do đó, theo quy định tại Điểm e Khoản Khoản 7 Điều 32 Điều lệ Công ty thì bà Mai Hạnh Duyên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2021 kể từ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

Ông: Hà Ngọc Bình Là Thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016 - 2021. Ngày 20 tháng 4 năm 2020 ông Hà Ngọc Bình có đơn từ nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2021 để đề cử vào HĐQT nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Do vậy, HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định:

(1) Miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 - 2021, cụ thể:

- Những người được miễn nhiệm là các ông (bà): Nguyễn Minh Tâm, Nguyễn Bá Nghiệm, Nguyễn Tiến Hào, Nguyễn Thị Phương Thảo.

- Thời điểm miễn nhiệm: Kể từ ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng.

(2) Miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng nhiệm kỳ 2016 - 2021 cụ thể:

- Những người được miễn nhiệm: Các ông (bà): Mai Hạnh Duyên, Hà Ngọc Bình.

- Thời điểm miễn nhiệm: Kể ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện Kim Cao Bằng.

(3) Bầu cử thay thế 04 (hoặc số lượng khác thấp hơn do Đại hội quyết định) thành viên HĐQT và 02 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2021 để đảm bảo số lượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT;

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019

I. Đánh giá chung.

Công ty triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và sự chỉ đạo sát sao của các sở ban ngành địa phương, của Tổng công ty Khoáng sản - TKV, HĐQT Công ty, và sự đồng thuận, đoàn kết của tập thể người lao động trong toàn Công ty.

Bên cạnh thuận lợi Công ty còn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn:

- Tài nguyên mỏ thiếc Tĩnh Túc đã suy giảm, điều kiện khai thác gặp nhiều khó khăn, Giấy phép khai thác hết thời hạn từ tháng 3/2019 dẫn tới sản lượng đạt thấp, sản lượng quặng thiếc đạt thấp bằng 31% KHN (91,14/297 tấn).

- Sản xuất tại khu vực bãi thải Thập Lục phân sau thời gian kêu gọi các nhà đầu tư vào hợp tác theo hình thức xã hội hóa không thành công, tháng 10/2019 Công ty đã tự tổ chức sản xuất. Tuy nhiên, giai đoạn đầu sản xuất việc điều hành sản xuất, thiết bị, công nghệ chưa ổn định, năng suất, sản lượng thấp dẫn tới bội chi các chi phí cố định (Khấu hao, tiền thuê đất v.v...) làm tăng chi phí sản xuất, giá thành sản xuất cao.

- Chất lượng phát dẫn điện năng chưa cao, chưa ổn định do thiếu nước trong những tháng mùa khô đã ảnh hưởng đến tiêu hao một số vật tư, nguyên nhiên liệu khâu luyện kim, tuyển khoáng.

- Các khoản thuế phí tăng cao, đặc biệt là thuế tài nguyên nước thiên nhiên sử dụng tuyển rửa quặng thiếc tăng gấp 44,4 lần so với năm 2017 trở về trước. Năm 2019 Bộ Tài nguyên và Môi trường truy thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khu Đông mỏ thiếc trên 4,4 tỷ đồng đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD của Công ty.

- Trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, điều hành của một số cán bộ phòng, ban Công ty và các Phân xưởng còn nhiều hạn chế nên chưa đáp ứng kịp thời được công tác quản lý hiện nay.

II. Kết quả thực hiện năm 2019.

1. Các chỉ tiêu chính:

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %
I	Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất				
1	Khai tuyển				
-	Đất, đá bóc thải	m ³	445.754	67.730	15
-	Quặng nguyên khai	Tấn	315.790	171.278	54
-	Tinh quặng thiếc 70% Sn	Tấn	297	91,194	31
-	Vàng sa khoáng	Kg	5	1,3758	28
2	Điện năng	Tr/kWh	8,2	7,3	88
3	Luyện kim				
-	Ferro silic 45	Tấn	600	653,6	109
-	Thiếc thỏi 99,75%Sn	Tấn	200	85,9636	43
II	Giá thành				
1	Giá thành sản xuất				
-	Thiếc thỏi 99,75% Sn		357,571	378,551	106
-	Vàng cám		471	471	100
-	Ferro silic 45		15,478	18,586	120
2	Giá thành tiêu thụ				
-	Thiếc thỏi 99,75% Sn		416,666	649,78	156
-	Vàng cám		556,372	937,121	168
-	Ferro silic 45		18,228	31,613	173
3	Giá bán				
-	Thiếc thỏi 99,75% Sn		408,408	405,494	99
-	Vàng cám		590	696,759	118
-	Ferro silic 45		19	19,525	103
III	Sản phẩm tiêu thụ				
-	Thiếc thỏi 99,75%Sn	Tấn	200	51,96	26
-	Vàng sa khoáng	Kg	5	1,3758	28
-	Ferro silic 45	Tấn	600	656,9	109
IV	Các chỉ tiêu giá trị				
-	Tổng doanh thu	Tr.đồng	105.898	42.250	40
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	23.574	21.369	91
-	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	563	(26.521)	
-	Chi phí quản lý + bán hàng	Tr.đồng	13.213	27.393	207
-	Lãi vay + CP tài chính	Tr.đồng	1.536	832	54
V	Chế độ người lao động				

TT	Chi tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	20.788	8.228	40
-	Lao động sử dụng bình quân	người	290	260	90
-	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	5,974	3,2	54
VI	ĐTXD, SCL, SCTX, ATMT				
-	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	4.000	40	1
-	Sửa chữa lớn	Tr.đồng	3.800	1.100	29
-	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	2.050	1.947	95
-	An toàn - Bảo hộ lao động	Tr.đồng	1.035	815,2	79
-	Môi trường thường xuyên	Tr.đồng	700	116,5	83

2. Đánh giá chung kết quả thực hiện năm 2019

Nhìn chung sản lượng sản xuất các sản phẩm đều thấp hơn so với kế hoạch, trong khi giá thành sản xuất lại cao hơn kế hoạch dẫn tới hiệu quả sản xuất kinh doanh của năm 2019 bị lỗ so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm 2018. Cụ thể một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Thiếc thỏi 99,75% Sn: đạt 85,96/200 tấn KH bằng 43% KH năm và bằng 50% so với cùng kỳ năm 2018

- Ferrosilic 45%: đạt 653,6/600 tấn KH bằng 109% KH năm và bằng 109% so với cùng kỳ năm 2018

- Vàng sa khoáng: đạt 1,3758/5 kg bằng 28% KH năm và bằng 24% so với cùng kỳ năm 2018

- Điện năng: 7,255/8,2 Tr.kWh bằng 88% KH năm và bằng 92% so với cùng kỳ năm 2018

- Giá thành tiêu thụ:

+ Thiếc thỏi 99,75% Sn: 649,78/416,66Tr.đồng/tấn bằng 156% KH năm và bằng 156% so với cùng kỳ năm 2018

+ Ferrosilic 45%: 31,61/18,23Tr.đồng/tấn bằng 173% KH năm và bằng 172% so với cùng kỳ năm 2018

+ Vàng sa khoáng: 937,12/556,37 Tr.đồng/tấn bằng 168% KH năm và bằng 173% so với cùng kỳ năm 2018

- Giá bán sản phẩm:

+ Thiếc thỏi 99,75% Sn: 405,494/408,408Tr.đồng/tấn bằng 99% KH năm và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2018

+ Ferrosilic 45%: 19,525/19,0 Tr.đồng/tấn bằng 103% KH năm và bằng 105% so với cùng kỳ năm 2018

+ Vàng sa khoáng: 696,76/590Tr.đồng/tấn bằng 118% KH năm và bằng 113% so với cùng kỳ năm 2018

2.1. *Đối với công tác điều hành:* Còn chưa quyết liệt sâu sát trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh; Việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật, quy chế Công ty còn chưa nghiêm túc.

Ý thức kỷ luật lao động của một số bộ phận CBCNV hạn chế, năng suất lao động đạt thấp, chưa xử lý dứt điểm lao động dôi dư.

2.2. Công tác quản lý vật tư, sản phẩm còn nhiều lỗ hổng.

2.3. Việc khoán quản các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật thực hiện chưa hiệu quả, chưa có những đánh giá nguyên nhân, kết quả thực hiện hàng tháng/quý để đưa ra giải pháp thực hiện.

2.4. *Công tác Khai thác, Tuyển khoáng:* Công trường khai thác tận thu, quặng xuất hiện theo dạng ổ xen kẹp dẫn tới điều kiện khai thác khó khăn làm tăng chi phí khai thác, vận tải. Đối với công tác tuyển khoáng chưa quan tâm tới việc tăng thực thu xưởng tuyển cũng như tận thu tối đa tài nguyên khoáng sản.

2.5. *Công tác cơ điện:* Việc huy động thiết bị khai thác, vận tải vào sản xuất đạt rất thấp do hỏng hóc thường xuyên, chưa quan tâm sâu sắc tới việc đưa thiết bị về bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ.

2.6. *Công tác phát dẫn điện năng:* Những tháng mùa khô không đủ nước để sản xuất hết công suất các tổ máy (chỉ chạy được 1/2) công suất nhà máy. Chưa có những đánh giá rủi ro trong quá trình vận hành dẫn tới sạt lở đường máng trong mùa mưa phải dừng sửa chữa dẫn tới sản lượng điện năng đạt thấp và giá thành sản xuất điện tăng cao.

2.7. *Công tác luyện kim:*

- Đối với luyện Sn: Do trong năm Công ty triển khai luyện làm 02 đợt, mỗi lần luyện không đủ sản lượng cho chạy 01 đời lò tối thiểu là 120 tấn TQ 70% dẫn tới tiêu hao một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tăng cao, đặc biệt: điện cực Graphit vượt 83,6%; Ferrosilic 75 vượt 24%, v.v...

- Đối với luyện Ferrosilic 45%: Mùa khô thiếu nước không đủ điện sản xuất 02 lò; mùa mưa bị 03 lần sự cố đường máng dẫn tới việc huy động 02 lò Ferro vào sản xuất không được ổn định. Ngoài ra, việc quản lý nguyên vật liệu đầu vào chưa tốt như: than cốc, đá, v.v.... Việc theo dõi, điều hành sản xuất còn thiếu sâu sát dẫn tới một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tăng cao làm tăng chi phí sản xuất như: Que hàn điện vượt 27,4% ĐM; Than điện cực vượt 24,6% ĐM; Than cốc vượt 6,4% ĐM; Quặng sắt vượt 1,7% ĐM; Ống điện cực vượt 0,6% ĐM; Quắc zít vượt 0,2% ĐM. Thực thu đạt 88,67%.

2.8. *Chi phí quản lý:* tăng mạnh cả về giá trị tuyệt đối là 16.853tr.đ so với cùng kỳ 2018 (tăng 183%) và tỷ lệ trên doanh thu thuần hoạt động SXKD chính chiếm 65,26%, tăng 54,17% so với cùng kỳ 2018 (11,09%). Trong đó chi phí xử lý môi trường 1.957 tr.đ và chi phí vận hành đóng cửa mỏ 18.282 tr.đ.

* Nguyên nhân lỗ của năm 2019, cụ thể như sau:

- Hạch toán bổ sung tiền thuế năm 2017, 2018 chuyển sang: 1.331 tr.đồng
- Chi phí thu gom quặng sắt Nà Lũng: 875 tr.đồng (số quặng này chưa tiêu thụ)
- Truy thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại khu Đông mỏ thiếc Tĩnh Túc do khai thác vượt công suất: 1.427 tr.đồng.
- Giảm trừ doanh thu quặng sắt: 1.237 tr.đồng
- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường tại mỏ thiếc Tĩnh Túc (Thực hiện theo nội dung văn bản số 1939/UBND - CN ngày 7/6/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc thực hiện quy định của Pháp luật về Khoáng sản, biện pháp đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường mỏ thiếc Tĩnh Túc): 18.612,95 tr.đồng. Trong đó:
 - + Chi phí xử lý môi trường: 1.957,73 tr.đồng
 - + Chi phí bơm thoát nước công trường: 5.741 tr.đồng
 - + Chi phí thực hiện trước một phần khối lượng theo đề án đóng cửa mỏ: 10.914,22 tr.đồng
- Bội chi khấu hao, bảo hiểm: 2.794,06 tr.đồng
- Bội chi tiêu hao vật tư: 680 tr.đồng
- Bội chi sửa chữa thường xuyên: 557,99 tr.đồng
- Phạt chậm nộp thuế: 566 tr.đồng
- + Các chi phí làm tăng lợi nhuận: 1.560 tr.đồng (Trong đó: Giá mua vật tư thực hiện thấp hơn so với KH: 536 tr.đồng; Chi phí tài chính thực hiện giảm: 704 tr.đồng; Tiền lương thực hiện giảm: 320 tr.đồng)

2.9. Công tác phát triển tài nguyên: Việc triển khai các thủ tục đóng cửa mỏ khu Đông và khu Tây còn chậm do nhiều khó khăn trong thủ tục hành chính; Việc phối hợp với đơn vị tư vấn để triển khai lập dự án Khai thác Thập lục phần (tháng 8/2020 hết hạn), dự án Khai thác Nậm Kép chưa quyết liệt dẫn tới tiến độ còn chậm.

3. Những hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

a. Những hạn chế, tồn tại

- Công tác quản lý điều hành chưa quyết liệt, sâu sát; Việc triển khai thực hiện chỉ đạo sản xuất chưa kịp thời dẫn đến tình trạng năng suất lao động đạt thấp, thu nhập của người lao động đạt thấp bằng 54% so với KH năm.

- Việc xin cấp phép khai thác của các mỏ mới không hoàn thành tiến độ đã đề ra dẫn đến thiếu công trường khai thác; Việc triển khai thực hiện sản xuất tại khu vực Thập Lục Phần chậm nên sản lượng sản xuất đạt thấp. Bên cạnh đó các khoản thuế, phí lệ phí, khấu hao, Bảo hiểm XH, BHYT thực hiện theo quy định đây cũng là những nguyên nhân ảnh hưởng làm tăng giá thành sản xuất.

- Công tác quản lý cơ điện còn yếu, chưa quan tâm tới việc sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên dẫn tới máy móc thiết bị thường xuyên xảy ra sự cố khiến việc huy động phục vụ sản xuất chưa đạt hiệu quả cao.

- Công tác luyện kim vẫn còn nhiều tồn tại đó là Quản lý chất lượng sản phẩm theo ca còn chưa sâu sát, do đó vẫn có tình trạng liệu phục vụ sản xuất chưa đạt độ sạch, dẫn đến chất lượng sản phẩm nhiều mẻ không đạt mức yêu cầu, vẫn còn sản phẩm sai hỏng nên đã làm vượt định mức các chỉ tiêu chủ yếu như: Than cốc, oxy, than điện cực, v.v... làm tăng chi phí sản xuất, giá thành sản xuất cao.

b. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

- Nguyên nhân khách quan:

+ Mở khai thác là mỏ khai thác tận thu do đó điều kiện sản xuất khó khăn, tài nguyên trữ lượng quặng không cao và không ổn định.

+ Năng lực tài chính còn hạn chế dẫn đến việc sửa các thiết bị không đồng bộ.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Công tác quản lý các mặt công tác như: điều hành công trường sản xuất; quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm; nghiêm thu thành quyết toán các công đoạn sản xuất; Cảnh báo các nguy cơ trong quá trình sản xuất; v.v... chưa sâu sát dẫn đến sản xuất thua lỗ.

+ Việc sắp xếp cơ cấu tổ chức chưa kịp với mô hình sản xuất dẫn đến tình trạng không đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, bội chi tiền lương, bảo hiểm.

c. Bài học kinh nghiệm

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của ban điều hành, trưởng các Phòng, Quản đốc các phân xưởng trong mọi hoạt động SXKD của Công ty; đặc biệt là vai trò của người lãnh đạo cần phải chủ động, quyết liệt trong các hoạt động điều hành, quản lý.

- Bám sát kế hoạch để thực hiện, điều hành đồng bộ các giải pháp, giám sát kiểm tra thực hiện thường xuyên, quyết liệt xử lý các sai phạm trong quá trình thực hiện.

- Đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa vào sản xuất, nhằm tăng năng suất, cải thiện điều kiện, môi trường làm việc cho người lao động.

- Sắp xếp tổ chức lại cơ cấu lao động phù hợp với điều kiện sản xuất hiện nay, bố trí nhân lực phù hợp với năng lực chuyên môn của từng cá nhân để phát huy tinh thần trách nhiệm trong lao động sản xuất, đồng thời tăng tính đoàn kết để người lao động chia sẻ và đồng hành với doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn hiện nay. Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, kỷ luật công nghệ, thực hiện tốt nội quy, quy chế của công ty, đảm bảo công tác AT-VSLĐ.

- Phát huy vai trò hoạt động của các tổ chức đoàn thể xây dựng các phong trào thi đua sâu rộng với các mục tiêu cụ thể để thúc đẩy tinh thần hăng say lao động sản xuất, nâng cao trách nhiệm của người lao động.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP
CHỦ YẾU ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2020

I. Mục tiêu:

Nhận định tình hình: Năm 2020 là một năm sẽ có nhiều khó khăn, thách thức. Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, dự đoán giá kim loại 2020 sẽ không thể phục hồi ở mức cao so với cùng kỳ năm 2019 ở thời điểm hiện nay. Trong đó giá vật tư phục vụ sản xuất, nguyên nhiên vật liệu đầu vào như: Than cốc, vật tư phục vụ sản xuất,... tăng giá. Bên cạnh đó tài nguyên, điều kiện khai thác mỏ ngày càng khó khăn, thiết bị xuống cấp hỏng hóc nhiều. Giấy phép khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải tại khu vực Thập Lục Phần đến tháng 8/2020 hết hạn, việc hoàn thiện các thủ tục đóng cửa mỏ khu Đông và khu Tây mỏ thiếc Tĩnh Túc dự kiến đến quý I – 2021 mới thực hiện xong... Trước tình hình đó, đòi hỏi chúng phải có các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất, phân đầu giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Mục tiêu tổng quát: **AN TOÀN - HIỆU QUẢ - PHÁT TRIỂN**

Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng công ty phát triển ổn định.
- Vận hành thiết bị, công nghệ ổn định nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả SXKD có lãi.
- Đảm bảo an toàn lao động, an ninh trật tự và an sinh xã hội.

II. Các chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ %
I	Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất				
1	Khai tuyển				
-	Đất, đá bóc thải	M3	67.095	399.000	594
-	Quặng nguyên khai	Tấn	171.274	837.300	489
-	Tinh quặng thiếc 70% Sn	Tấn	91,194	172	189
-	Vàng sa khoáng	Tấn	1,3758	5	363
-	Wonfram	Tấn	2	10	500
-	Ti tan	Tấn	60	800	1.333
2	Luyện kim				
-	Thiếc thỏi 99,75% Sn	Tấn	85,9636	150	174
-	Ferro silic 45	Tấn	653,6	750	115
3	Điện năng phát dẫn	Tr. kWh	7,255	8,0	110
II	Sản phẩm tiêu thụ				
-	Thiếc thỏi	Tấn	51,9686	150	289
-	Vàng sa khoáng	Tấn	1,3758	5	363
-	Wonfram	Tấn	2	10	500
-	Ti tan	Tấn	60	800	1.333

TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ %
-	Ferro silic 45	Tấn	656,9	750	114
III	Các chỉ tiêu giá trị				
-	Tổng doanh thu	Tr.đồng	42.142	84.045	199
-	Nộp ngân sách	Tr.đồng	21.369	18.172	85
-	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	(26.522)	2.218	
-	Chi phí quản lý + bán hàng	Tr.đồng	26.560,7	9.141	344
-	Lãi vay + CP tài chính	Tr.đồng	832	866	104
IV	Chế độ người lao động				
-	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	10.101	15.971	158
-	Lao động sử dụng bình quân	người	260	200	77
-	Tiền lương bình quân	Trđ/ng/th	3,238	6,65	205
V	ĐTXD, SCL, SCTX, ATMT				
-	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	40	4.000	
-	Sửa chữa lớn	Tr.đồng	1.204	2.300	191
-	Sửa chữa thường xuyên	Tr.đồng	1.110	1.856	167
-	An toàn - Bảo hộ lao động	Tr.đồng	815,22	688	84
-	Môi trường thường xuyên	Tr.đồng	116,546	496	426

III. Các giải pháp điều hành chủ yếu năm 2020.

1. Công tác điều hành.

- Lấy mục tiêu đảm bảo AT-MT là hàng đầu, sản xuất phải đảm bảo ATMT; Tiếp tục tuyên truyền để người lao động hiểu, nắm rõ tình hình, tầm quan trọng, mức độ cần thiết của nhiệm vụ, công việc được giao.

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương; Quyết liệt và sâu sát hơn nữa trong quá trình điều hoạt động sản xuất kinh doanh. Xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm quy chế của Công ty.

- Tiếp tục rà soát các công đoạn sản xuất, mô hình sản xuất để xây dựng mô hình lao động sao cho phù hợp đảm bảo năng suất lao động.

2. Công tác quản trị chi phí, vật tư, sản phẩm.

- Tiếp tục rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật để điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của công trường; Kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra của tất cả các khâu sản xuất.

- Giao khoán đơn giá cho từng phân xưởng, tổ đội và có cơ chế thưởng phạt.

- Rà soát lại toàn bộ tài sản, vật tư nguyên nhiên vật liệu đã hết khấu hao không khắc phục sửa chữa lại được để thanh lý thu hồi vốn, giảm lỗ.

- Tận dụng tối đa nguồn tài nguyên tại mỏ như: đá vôi, v.v... để sản xuất Ferro silic giảm giá thành.

- Kiểm tra, kiểm soát, cấp phát vật tư đưa vào sử dụng, thay thế. Thực hiện công tác thu hồi vật tư (thu cũ đổi mới đối với vật tư sửa chữa) tại các đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện việc nghiệm thu sản phẩm, tăng cường hệ thống giám sát tại từng công đoạn sản xuất, đặc biệt tại khu vực tuyển thô, tuyển tinh.

3. Công tác khai thác, tuyển khoáng.

Giai đoạn mùa khô tập trung khai thác tối đa quặng tại tầng sâu của mỏ có HL 600 – 700gam đưa về tuyển cũng như đưa về chuyển tầng dự trữ cho mùa mưa khoảng 20.000 m³ đất quặng.

Huy động tối đa tài nguyên tại Thập lục phần đưa vào sản xuất trong điều kiện khai trường khu Tây bị ngập trong mùa mưa.

Xây dựng thêm 01 hệ tuyển tại TLP vào sản xuất và duy trì hoạt động ổn định 04 hệ tuyển/ 02 khu vực.

Nâng cao thực thu của tuyển thô lên 82% và tuyển tinh lên 96% cũng như thu hồi triệt để các sản phẩm phụ như Titan, Vonfram, v.v..

4. Công tác Luyện kim.

Điều phối sản xuất 02 lò luyện kim cho phù hợp, cụ thể: đối với sản xuất Sn sẽ tổ chức sản xuất 02 đợt trong 6 tháng cuối năm; đối với sản xuất Ferro: Duy trì sản xuất 02 lò vào mùa mưa với sản lượng trung bình 90 – 100 tấn/tháng.

Quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào như: Quặng Sn > 70%, Than cốc cỡ hạt 5 – 25mm: > 80% Các bon; Đá Silic > 96% v.v, than điện cực, sản xuất hồ than điện cực đảm bảo chất lượng v.v...

5. Công tác Cơ điện, Phát dẫn điện năng.

Thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định. Điều phối điện năng cho các hộ tiêu thụ phù hợp, thường xuyên kiểm tra tuyến đường dây, đường máng để đưa ra biện pháp phòng ngừa không để xảy ra sự cố.

6. Công tác Đầu tư xây dựng.

a. *Bãi thải Thập lục phần*: Phấn đấu trong tháng 6/2020 có chủ trương gia hạn thời gian đầu tư và có giấy phép trong tháng 8/2020 để hoạt động khai thác.

b. *Khu Đông, khu Tây*: Phấn đấu trong tháng 7 hoàn thành các hạng mục của Đề án cũng như hồ sơ, Công ty sẽ trình xin đóng cửa mỏ; Trình quy hoạch khai thác khoáng sản tại khu Tây được phê duyệt vào cuối năm 2020. Xin cấp phép hoàn thành trong quý I/2021.

c. *Năm kép*: Trong tháng 7/2020 sẽ trình VIMICO và HĐQT Công ty xem xét phê duyệt để xin chủ trương đầu tư và xin cấp phép.

7. Đối với công tác An toàn – Môi trường

- Công ty tiếp tục quan tâm, thay đổi nhận thức và chủ động khắc phục tồn tại công tác AT-MT. Công tác điều hành kiên quyết với mục tiêu sản xuất an toàn, môi trường đảm bảo. Tiếp tục triển khai các công trình AT-MT nhằm cải thiện hình ảnh của Công ty. Tập trung kiểm tra và xử lý nghiêm hiện tượng làm bừa làm ẩu, không thực hiện đúng thiết kế, quy định; người đứng đầu không quan tâm, nhận thức không đúng và không chấp hành các quy định, kiến nghị về an toàn, kỹ thuật,...

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành nội quy, quy trình của người lao động. Nâng cao năng lực quản lý cán bộ an toàn, trách nhiệm của đội ngũ an toàn viên. Nghiêm khắc xử lý những trường hợp vi phạm quy trình, quy định an toàn.

PHẦN THỨ BA KẾT LUẬN

Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019, Công ty không hoàn thành chỉ tiêu về sản lượng sản xuất, sản xuất kinh doanh thua lỗ, đời sống và việc làm của người lao động gặp nhiều khó khăn, do đó đội ngũ lãnh đạo Công ty, lãnh đạo các phòng ban/phân xưởng cần nghiêm túc nhìn nhận những yếu kém trong công tác quản lý, điều hành để rút ra kinh nghiệm sâu sắc, khắc phục ngay những tồn tại, thì mới thực hiện tốt các giải pháp đã nêu trong báo cáo.

Bước sang năm kế hoạch 2020, còn nhiều khó khăn, thách thức phải đối mặt. Song chúng ta tin tưởng rằng với truyền thống 65 năm hình thành và phát triển, sự đồng thuận, đoàn kết, nhất trí của CBCNV, sự quan tâm, giúp đỡ của Tổng công ty Khoáng sản - TKV và chính quyền địa phương, sự quyết liệt trong điều hành của HĐQT, Ban điều hành Công ty cùng toàn thể đội ngũ lãnh đạo các Phòng ban/Phân xưởng. Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng quyết tâm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2020.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Chương

Số: 473/BC-HĐQT

Cao Bằng, ngày 08 tháng 6 năm 2020

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, Tôi xin trình bày Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019.

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị

Ngày 15/5/2019, tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị, cụ thể là đồng chí Bùi Tiến Hải - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty thay đồng chí Nông Minh Huyền, như vậy từ ngày 15/5/2019 sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị hoạt động với 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------------|
| - Ông Bùi Tiến Hải | - Chủ tịch HĐQT; |
| - Ông Nguyễn Minh Tâm | - Thành viên HĐQT; |
| - Ông Nguyễn Tiến Hào | - Thành viên HĐQT - Phó giám đốc; |
| - Ông Nguyễn Bá Nghiệm | - Thành viên HĐQT; |
| - Bà Nguyễn Thị Phương Thảo | - Thành viên HĐQT. |

Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ một cách nghiêm túc và xác định được những phương hướng lãnh đạo nhằm đưa ra những định hướng, giải pháp tích cực trong hoạch định chiến lược phát triển của Công ty.

2. Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm qua HĐQT đã tổ chức họp và ban hành nghị quyết để chỉ đạo điều hành thực hiện đúng vai trò quản lý, giám sát và đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm tạo điều kiện cho Ban điều hành Công ty giải quyết những khó khăn, tồn tại. Các cuộc họp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ để thảo luận và đưa ra các nghị quyết, quyết định luôn bám sát diễn biến

tình hình SXKD, phù hợp với điều lệ, với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Hội đồng quản trị công ty đã tích cực xem xét chỉ đạo trên nguyên tắc cân trọng và được sự hỗ trợ của Tổng công ty Khoáng sản - TKV, cũng như những cố gắng nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV công ty đã duy trì được hoạt động của công ty trong giai đoạn hết sức khó khăn, tạo được dòng tiền đủ trang trải các chi phí trực tiếp và gián tiếp của công ty năm 2019.

Trong năm 2019, HĐQT tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức 04 phiên họp và 04 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 22 nghị quyết đề chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám sát thực hiện công tác điều hành sản xuất kinh doanh của công ty (có Phụ lục đính kèm).

Các cuộc họp đều có sự tham gia, chứng kiến của Ban kiểm soát công ty. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều được Ban điều hành thông tin đầy đủ, kịp thời các hoạt động của Công ty.

Các nghị quyết/quyết định đều dựa trên sự nhất trí và đồng thuận cao của tất cả thành viên HĐQT trên cơ sở lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

3. Về kế hoạch kinh doanh:

Mặc dù có rất nhiều cố gắng nhưng năm 2019 Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra do khó khăn về tài nguyên khoáng sản nên các chỉ tiêu sản xuất khai thác, chế biến quặng thiếc không đạt kế hoạch đã ảnh hưởng đến kết quả SXKD cũng như đời sống, thu nhập của người lao động.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 so sánh với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ (%)	
						So sánh năm 2018	So sánh kế hoạch 2019
1	Các sản phẩm sản xuất						
1.1	Thiếc thời 99,75%Sn	Tấn	171,0178	200	85,9636	50,26	42,56
1.2	Fero Silic 45	Tấn	601	600	653,6	108,75	108,9
1.3	Vàng cám	Kg	5,6235	5	1,3758	24,47	27,52
1.4	Điện năng	Tr/kwh	7,8	8,2	7,3	93,6	89
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	105 867	105 898	42 142	39,81	39,79
2.1	Doanh thu SXKD		103 281	100 634	39 911		
2.2	Doanh thu h/d tài chính		87		60		
2.3	Thu nhập khác		2 499	5 264	2 171		
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	500	381	-26 522	<i>số âm</i>	<i>số âm</i>
4	Nộp ngân sách	Tr.đ	20 069	23 574	21 370	106,48	90,65
5	Lao động sử dụng bình quân	Người	294	290	260	88,4	89,7
6	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/th	5,1	5,9	3,2	68,63	54,2

4. Về quản trị doanh nghiệp:

Công ty đã ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động của Công ty. Các quy chế được cập nhật theo quy định mới nhất của Pháp luật hiện hành. Các nội dung được ghi nhận theo Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018, Thông tư số 95/2018/TT-BTC ngày 22/9/2018.

Công ty đã thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, Báo cáo thường niên, các nội dung công bố thông tin định kỳ và bất thường khác về hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo đúng quy định của pháp luật.

5. Những tồn tại hạn chế:

HĐQT Công ty đã triển khai thực hiện đúng và đầy đủ các chủ trương, ý kiến chỉ đạo của cổ đông lớn - Tổng công ty đối với Công ty. Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị; chủ động chỉ đạo Ban Giám đốc về điều hành hoạt động SXKD của đơn vị, khắc phục khó khăn và xử lý các tồn tại nhưng Ban Giám đốc chưa thực hiện quyết liệt dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt thấp. Công tác quản lý điều hành của Công ty còn nhiều hạn chế, vi phạm các quy định trong Điều lệ công ty về ký kết các hợp đồng vượt thẩm quyền.

Bên cạnh đó, năm 2019 SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn do thời tiết mưa nhiều, giấy phép khai thác mỏ thiếc Tĩnh Túc hết hạn, giấy phép khai thác tận thu bãi 16 phần gặp khó khăn về tài nguyên, nên hoạt động của mỏ chủ yếu là thực hiện các nội dung đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai lũ lụt; Gia cố chân đường Quốc lộ 34; Khôi phục sạt lở tại khu vực hang ông Búa thuộc đường bờ nam khu Đông (Thực hiện theo nội dung văn bản số 1939/UBND - CN ngày 7/6/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc thực hiện quy định của Pháp luật về Khoáng sản, biện pháp đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường mỏ thiếc Tĩnh Túc)

Căn vào kết quả phân tích các chỉ tiêu tài chính năm 2019: Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: năm 2019 là 0,32 lần và cùng kỳ năm 2018 là 0,52 lần (đều < 3 lần); hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn: năm 2019 là 1,67 lần và cùng kỳ năm 2018 là 1,89 lần (đều > 0,5); lợi nhuận sau thuế: năm 2019 là: lỗ 26.521 triệu đồng chiếm 33,15% so với vốn góp của CSH (>30%), tăng 26.029 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018 lãi 492 triệu đồng. Lỗ lũy kế tại thời điểm 31/12/2019 là 29.872 triệu đồng, chiếm 37,34% so với vốn góp của CSH (<50%); Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH (ROE) và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): năm 2019 đều là số âm.

Với các dấu hiệu nêu trên, Công ty đã thuộc trường hợp xác định có dấu hiệu mất an toàn về tài chính theo quy định tại Nghị định 87/2015/NĐ-CP (có số lỗ phát sinh trong năm báo cáo từ 30% vốn đầu tư của chủ sở hữu trở lên) và thuộc diện giám sát tài chính đặc biệt.

II. Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Ban điều hành Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công, song kết quả đạt được rất thấp so với kế

hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua do nhiều nguyên nhân chủ yếu về điều kiện tài nguyên, thiết bị. Mặt khác, HĐQT cũng nhận thấy còn có những tồn tại, hạn chế trong công tác điều hành quản lý của Công ty chưa đạt hiệu quả, tiến độ giải quyết công việc chưa đáp ứng được kế hoạch đề ra.

III. Công tác phối hợp với Ban kiểm soát:

Năm 2019, Ban kiểm soát của Công ty đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; được HĐQT, Ban điều hành Công ty cung cấp đầy đủ thông tin và các tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát.

Trong năm qua Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu kiện nào liên quan đến HĐQT và Ban điều hành.

IV. Định hướng và Kế hoạch hoạt động năm 2020

Năm 2020, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, Công ty cần phải triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm vật tư, tiết giảm các chi phí, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị thống nhất với báo cáo và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Giám đốc Công ty. Để kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt, HĐQT tập trung vào các vấn đề sau:

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp để thực hiện được các nội dung mà đại hội thường niên đề ra. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tiếp tục chỉ đạo Ban giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, tập trung nhân lực, cân đối chi phí thực hiện để gia hạn giấy phép khai thác bãi thải Thập Lục phần; Cấp phép khai thác bãi thải khu Tây và mỏ thiếc Nậm Kép.

3. Chỉ đạo Ban giám đốc công ty khẩn trương hoàn thiện và nâng cao các mặt quản lý gồm Công tác tái cơ cấu lao động lao động; Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; Công tác Đầu tư; Công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; Công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

4. Tiếp tục cùng Ban giám đốc Công ty kiện toàn bộ máy, sắp xếp lại các phòng ban, Xí nghiệp, phân xưởng theo mô hình tổ chức định biên lao động giai đoạn 2018-2020. Chỉ đạo ban Giám đốc lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng nhân sự chủ chốt cho các ngành nghề sản xuất chính của Công ty. Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển lâu dài của Công ty phù hợp với tình hình mới.

5. Chỉ đạo Ban Giám đốc sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

Trên đây là báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng năm 2019 và kế hoạch công tác năm 2020, rất mong các cổ đông và Quý vị đại biểu tham gia đóng góp ý kiến, giúp cho hoạt động của Hội đồng quản trị ngày càng tốt hơn.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiến Hải

PHỤ LỤC: NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

TT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HDQT	15/01/2019	Gia hạn thời gian thực hiện đơn giá thuê thiết bị khai thác quặng thiếc Mỏ Thiếc Tĩnh Túc theo Hợp đồng 525/2018/HĐKT ngày 08/8/2018 về việc thuê thiết bị bốc xúc, vận chuyển, san gạt khối lượng đất đá, quặng năm 2018
2	02/NQ-HDQT	27/2/2019	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và 2 tháng đầu năm 2019, phương hướng nhiệm vụ Quý I/2019 và các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019.
3	02/NQ-HDQT	27/2/2019	Thông qua dự toán, đơn giá trần và kế hoạch lựa chọn đơn vị thực hiện bóc đất, đá và khai thác quặng thiếc năm 2019 và đưa mỏ về trạng thái an toàn tại mỏ thiếc Tĩnh Túc
4	02/NQ-HDQT	27/2/2019	Phê duyệt Kế hoạch kỹ thuật sản xuất và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
5	03/NQ-HDQT	27/2/2019	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
6	04/NQ-HDQT	19/04/2019	Thông qua chương trình và nội dung họp đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
7	06/NQ-HDQT	15/5/2019	Nghị quyết Đại hội ĐCĐTN năm 2019
8	08/NQ-HDQT	15/5/2019	Bầu thay thế chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2020
9	09/NQ-HDQT	19/6/2019	Thông qua sắp xếp, bố trí cán bộ chủ chốt của Công ty.
10	10/NQ-HDQT	19/6/2019	Thông qua dự thảo Phương án hợp tác khai thác, chế biến quặng thiếc tại Khu vực bãi thải Thập Lục Phần.
11	11/NQ-HDQT	19/6/2019	Phê duyệt giá khởi điểm thanh lý Quặng Mangan tồn kho.
12	12/NQ-HDQT	19/6/2019	Thông qua chủ trương thanh lý TSCĐ.
13	13/NQ-HDQT	19/6/2019	Thông qua tiêu thụ thiếc thỏi 99,75%.
14	14/NQ-HDQT	19/6/2019	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 5 tháng đầu năm 2019 và các giải pháp thực hiện kế hoạch 7 tháng cuối năm 2019.

TT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
15	15/NQ-HDQT	8/8/2019	Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thanh lý Tài sản cố định.
16	16/NQ-HDQT	15/8/2019	Phê duyệt điều chỉnh Dự án Đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập Lục Phần.
17	17/NQ-HDQT	17/10/2019	Thông qua chủ trương đầu tư và Đề cương - Dự toán lập Dự án “Khai thác lộ thiên mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”.
18	18/NQ-HDQT	17/10/2019	Thông qua chủ trương đầu tư và Đề cương - Dự toán lập Dự án “Đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Khu Tây”.
19	19/NQ-HDQT	28/11/2019	Thông qua việc tiêu thụ thiếc thỏi 99,75% quý IV năm 2019.
20	20/NQ-HDQT	28/11/2019	Phê duyệt quyết toán Vốn đầu tư: Dự án Đầu tư duy trì sản xuất Mỏ thiếc Tĩnh Túc. Hạng mục: Mua sắm máy xúc thủy lực gầu ngược bánh xích dung tích gầu $\geq 1,4m^3$.
21	21/NQ-HDQT	28/11/2019	Về việc quản lý sử dụng khu tập thể CBCNV, nhà trẻ Nà Lũng, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng.
22	22/NQ-HDQT	28/11/2019	Thông qua việc xin thanh lý tài sản trên đất và trả lại đất cho địa phương theo nội dung tờ trình số 429/TTr-KSLK ngày 15/8/2019 của Giám đốc Công ty.

Số: 02/BC-BKS

Cao Bằng, ngày 08 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
Năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 33- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP khoáng sản và luyện kim Cao Bằng;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty CP khoáng sản và luyện kim Cao Bằng trong năm 2019;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY và các tài liệu, sổ sách kế toán có liên quan khác.

Ban kiểm soát Công ty báo cáo về kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2019 gồm những nội dung chính sau:

- Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019;
- Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc;
- Kết quả giám sát, đánh giá BCTC và các mặt quản lý khác của Công ty;
- Kiến nghị của Ban Kiểm soát.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019:

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và 01 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, 01 thành viên còn lại vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty (trong năm 2019, HĐQT Công ty đã họp 08 phiên họp, trong đó có 04 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành 22 nghị quyết);

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính đồng thời phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Thực hiện công việc giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, phân phối tiền lương cho người lao động.

Qua kiểm tra, Ban kiểm soát đã phát hiện 01 trường hợp vi phạm các quy định trong Điều lệ công ty (chi tiết như mục II.2 dưới đây). Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại nào từ cổ đông có liên quan tới hoạt động của Công ty.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ NĂM 2019:

1. Về giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã thực thi nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thể hiện ở các lĩnh vực sau:

- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về định hướng, xem xét điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với điều kiện thực tế và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị. HĐQT Công ty đã tổ chức 08 phiên họp, trong đó có 04 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các phiên họp đều được tổ chức theo đúng điều lệ hoạt động của Công ty.

- Ban hành các Nghị quyết, Quyết định: Trong thời gian qua, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 22 Nghị quyết. Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT về cơ bản đều tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019. Các Biên bản và Nghị quyết được ghi chép đầy đủ theo đúng quy định.

2. Về giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, thể hiện trên các nội dung sau:

- Giám sát Ban Điều hành trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019: Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

và các nghị quyết của HĐQT đã được Ban điều hành triển khai đầy đủ song kết quả đạt được chưa cao.

- Đặc biệt, trong năm 2018, Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh số 588/2018/HĐHT/KSLK- CÁN HÀ ngày 15/09/2018 về xã hội hóa khai thác mỏ Nà Lũng đã được Ban điều hành báo cáo và được HĐQT xem xét, thông qua nội dung hợp đồng tuy nhiên sau đó Ban điều hành đã ký kết tiếp Phụ lục hợp đồng 01 ngày 15/11/2018 khi chưa được HĐQT xem xét thông qua. Hành vi này đã vi phạm điểm m, điểm n - khoản 3- điều 25 của Điều lệ Công ty quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT đồng thời cũng chưa xem xét kỹ và cân trọng các điều khoản sửa đổi tại Phụ lục hợp đồng có thể dẫn đến nhiều rủi ro về pháp lý và kinh tế khi tranh chấp hợp đồng xảy ra.

- Trong năm 2019, Ban Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, các chỉ tiêu sản lượng cơ bản đạt rất thấp so với kế hoạch.

- Triển khai các cuộc họp và điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Giám đốc.

3. Về số liệu báo cáo tài chính năm 2019:

3.1. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính:

Hàng quý, giữa niên độ và cuối niên độ kế toán, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính 6 tháng cũng như cả năm đều đã được kiểm toán. Báo cáo tài chính đã được lập đúng quy định của nhà nước, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam. Các báo cáo tài chính quý và bán niên đã được hoàn thành đúng thời gian quy định và công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn trên Website của công ty cũng như của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Với trách nhiệm và quyền hạn của mình, Ban kiểm soát chúng tôi xác nhận báo cáo tài chính trong những quý vừa qua của Công ty đã phản ánh trung thực và phù hợp với tình hình tài chính của Công ty trong năm, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính.

Nhìn chung, tình hình tài chính của công ty không được tốt thể hiện qua một số chỉ tiêu phân tích tài chính nhanh như sau:

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: năm 2019 là 0,32 lần và cùng kỳ năm 2018 là 0,52 lần (đều < 3 lần).

- Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn: năm 2019 là 1,67 lần và cùng kỳ năm 2018 là 1,89 lần (đều > 0,5).

- Lợi nhuận sau thuế: năm 2019 là: lỗ 26.521 triệu đồng chiếm 33,15% so với vốn góp của CSH (>30%), tăng 26.029 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018 lãi 492 triệu đồng. Lỗ lũy kế tại thời điểm 31/12/2019 là 29.872 triệu đồng, chiếm 37,34% so với vốn góp của CSH (<50%).

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH (ROE) và tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): năm 2019 đều là số âm.

Với các dấu hiệu nêu trên, Công ty đã thuộc trường hợp xác định có dấu hiệu mất an toàn về tài chính theo quy định tại Nghị định 87/2015/NĐ-CP (có số lỗi phát sinh trong năm báo cáo từ 30% vốn đầu tư của chủ sở hữu trở lên) và cần thiết phải đưa ngay vào diện giám sát tài chính đặc biệt.

Tại báo cáo này, chúng tôi xin tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính năm 2019 vừa qua chi tiết như biểu dưới đây:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018
I	Tổng tài sản	91.122	135.707
1	Tài sản ngắn hạn	37.815	71.987
2	Tài sản dài hạn	52.307	63.720
II	Tổng nguồn vốn	91.122	135.707
1	Nợ phải trả	25.527	42.850
-	Nợ ngắn hạn	22.614	37.987
-	Nợ dài hạn	2.913	4.863
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	65.595	92.856
-	Vốn góp của chủ sở hữu	80.000	80.000
-	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
-	Quỹ đầu tư phát triển	5.555	5.555
-	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	779	779
-	Lợi nhuận chưa phân phối	- 29.872	-3.350
-	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản (giá trị còn lại của Hàng tuynen thoát nước được đầu tư từ nguồn KP môi trường tập trung của Tập đoàn TKV)	9.132	9.872
III	Các chỉ tiêu đánh giá khác		
1	Tổng doanh thu và thu nhập	42.142	105.868
2	Tổng chi phí	68.663	105.368
3	Lợi nhuận sau thuế	- 26.521	492
4	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	<i>số âm</i>	<i>0,5</i>
5	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH (ROE)	<i>số âm</i>	<i>0,6</i>
6	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (ROA)	<i>số âm</i>	<i>0,4</i>

3.2. Về sổ sách và hạch toán kế toán:

Ban kiểm soát đã thực hiện xem xét, kiểm tra BCTC năm 2019 đã được kiểm toán của công ty cùng một số hồ sơ thanh lý TSCĐ, hồ sơ đấu thầu XD CB, hồ sơ đấu thầu dịch vụ bốc xúc, hồ sơ nghiệm thu KLSX, hồ sơ quyết toán sửa

chữ lớn TSCĐ cũng như chọn mẫu một số chứng từ, sổ sách kế toán khác. Qua kiểm tra hồ sơ, ban kiểm soát nhận thấy quá trình phê duyệt KH, tổ chức đánh giá, lựa chọn nhà thầu cũng như đấu giá bán thanh lý tài sản, bán đấu giá tiêu thụ sản phẩm thiếc thỏi, vàng sa khoáng đã tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục và đảm bảo tính công khai, minh bạch.

Ban kiểm soát cũng nhận thấy công ty đã mở đầy đủ sổ sách theo đúng quy định, việc ghi chép, lưu trữ chứng từ khoa học, thuận tiện cho việc kiểm tra. Công ty đã tập hợp chi phí đầu tư theo từng hạng mục công trình và tập hợp chi phí theo yếu tố. Nhìn chung, các BCTC và sổ sách, chứng từ kế toán của công ty được lập đầy đủ theo quy định, có đầy đủ chữ ký hợp lệ phù hợp với quy định hiện hành. Qua kiểm tra các chứng từ chi lương và ăn ca thực hiện từ tháng 1/2019 đến tháng 12/ 2019 của các đơn vị: Phân xưởng cơ điện; Phân xưởng khai tuyển; Văn phòng Công ty cho thấy việc thực hiện chi trả lương và ăn ca theo đúng quy định, song một số Bảng lương, chi ăn ca, phụ cấp cho CB, CNV còn thiếu một số chữ ký nhận.

3.3. Về kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2019 và tình hình sử dụng lao động, phân phối tiền lương, thu nhập:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ (%)	
						So sánh cùng kỳ năm 2018	So sánh KH 2019
1	Giá trị tổng sản lượng	Tr.đ	14.418	14.525	6.552	45	45
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	105.869	97.268	42.142	40	43
3	Các sản phẩm sản xuất						
3.1	Quặng sắt	Tấn					
3.2	Quặng thiếc 70% Sn	Tấn	276,03	297	91,194	33	31
3.3	Thiếc thỏi 99,75% Sn	Tấn	171,0178	200	85,96	50	43
3.4	Vàng cám	Kg	5,6235	5	1,3758	24,46	27,5
3.5	Ferro silic 45	Tấn	601	600	653,6	109	109
3.6	Điện năng	Tr/kwh	7,865	8,2	7,255	92	88

a). Về các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:

Kết quả hoạt động SXKD của công ty trong năm 2019 lỗ 26.521 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước 2018 lãi 500 triệu đồng.

Kết quả của từng hoạt động cụ thể như sau:

+ Hoạt động bán thanh lý TSCĐ: lãi gộp (=DT-giá vốn) là 2.279 -476 = 1.803 tr.đ

+ Hoạt động bán thanh lý quặng mangan tồn kho ứ đọng: lỗ gộp là 2.033 - 1.921 = 112 tr.đ. Giá trị tồn ban đầu là 4.802 tr.đ, đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với tỷ lệ 60% và đã đưa vào chi phí giá vốn của những năm trước là 2.881 tr.đ, giá trị thuần còn lại là 1.921 tr.đ.

+ Hoạt động tài chính: lỗ gộp là 59 - 831 = -772 tr.đ. Chi phí tài chính 831 tr.đ hoàn toàn là chi phí lãi vay ngân hàng trong kỳ.

+ Hoạt động SXKD chính (khai thác chế biến khoáng sản): lỗ gộp là 39.568 - 39.911 = -343 tr.đ. Trong đó có phát sinh chi phí từ những năm trước được tập hợp và hạch toán vào năm nay là 2.348 tr.đ, bao gồm: chi phí tính thuế tài nguyên truy thu nước mặt, vàng, ti tan là 1.247 tr.đ (2017: 210 tr.đ; 2018: 1.037 tr.đ); chi phí thu gom, sàng tuyển lại quặng sắt đã xuất hóa đơn bán trước cho GTCB năm 2018 là 874 tr.đ; tiền phạt chậm nộp các loại thuế là 227 tr.đ. Loại trừ ảnh hưởng của các chi phí đột biến nói trên thì nguyên nhân phát sinh lỗ gộp là do:

- Giá bán bình quân thiếc thời năm 2019 là 405,248 tr.đ/T, giảm 24,06 tr.đ/T so với cùng kỳ năm 2018 là 429,309 tr.đ/T, làm giảm doanh thu thuần là 1.251 tr.đ. Mặc dù giá bán bình quân vàng cám là 665,282 Tr.đ/Kg, tăng 43,143 tr.đ/Kg so với cùng kỳ năm trước nhưng do sản lượng sản xuất sụt giảm nên chỉ góp phần làm tăng doanh thu là 59,36 tr.đ. Như vậy, ảnh hưởng của giá bán giảm làm doanh thu thuần giảm là 1.191,64 tr.đ.

- Chi phí cấp quyền khai thác vượt sản lượng trên giấy phép phát sinh năm 2019 là 1.427 tr.đ (đã tạm hạch toán trích trước vào giá thành sản xuất các năm trước là 2.985 tr.đ)

- Mặt khác do mỏ thiếc Tĩnh Túc đã ở giai đoạn khai thác tận thu, giấy phép khai thác hết hạn từ tháng 2/2019. Khối lượng khai thác, tuyển khoáng chủ yếu là tuyển rửa lại đất đá thải tại bãi thải trong, tính chất đất đá bãi thải phức tạp do đất đá, bùn cát thải lẫn lộn, không theo quy luật. Điều kiện khai thác khó khăn dẫn đến năng suất các thiết bị thấp, hỏng hóc nhiều, hàm lượng quặng trong đất đá thải thường xuyên biến động nên phải tổ chức khai thác chọn lọc, khối lượng bóc thải lớn nên hệ số bóc tăng cao tăng 328% so với kế hoạch năm (tăng 144% so với cùng kỳ năm trước) và khối lượng bóc tăng 68% so với KH năm. Công tác tuyển khoáng cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu nước rửa và phải tập trung sửa chữa lớn, giờ hoạt động của tuyển thấp. Điều này làm cho sản lượng sản phẩm sản xuất đạt được rất thấp so với KH (số liệu như ở bảng trên) làm chi phí bất biến (bao gồm khấu hao, tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác phân bổ hàng năm)/đơn vị sản phẩm tăng cao đột biến dẫn đến giá vốn hàng bán tăng mạnh làm phát sinh lỗ gộp.

- Chi phí bán hàng năm 2019 có giảm tuyệt đối là 1.041 tr.đ so với cùng kỳ 2018 song về tỷ lệ trên doanh thu thuần hoạt động SXKD chính lại chiếm 3,37%, tăng 0,55% so với cùng kỳ 2018 (2,82%).

- Chi phí quản lý năm 2019 đặc biệt tăng mạnh cả về giá trị tuyệt đối là 16.853 tr.đ so với cùng kỳ 2018 (tăng 183%) và tỷ lệ trên doanh thu thuần hoạt động SXKD chính chiếm 65,26%, tăng 54,17% so với cùng kỳ 2018 (11,09%). Trong đó chi phí đột biến chủ yếu là chi phí xử lý môi trường 1.957 tr.đ và chi phí vận hành đóng cửa mỏ 18.282 tr.đ. Nếu tính theo cùng tỷ lệ trên doanh thu thuần hoạt động SXKD chính như cùng kỳ năm trước thì tổng CFBH+CFQL chỉ là $39.911 \text{ tr.đ} \times 13,91\% = 5.551 \text{ tr.đ}$, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD sẽ giảm 21.841 tr.đ ($=5.551 - 1.346 - 26.046$).

b). Về tình hình thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2019:

- Kết quả thực hiện đầu tư XDCB năm 2019 là 40 triệu đồng thực hiện đầu tư mua máy fotocopy, các hạng mục khác trong KH ĐTXD đã được phê duyệt chưa được thực hiện.

- Công ty có thực hiện việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp với giá trị là 105 triệu đồng vào Cty CP TMDV ô tô Thái Tuấn (Thadico) từ năm 2008 với số lượng cổ phần nắm giữ là 10.000 (chiếm tỷ lệ sở hữu là 5,83%). Tuy nhiên việc đầu tư vốn ra ngoài này hiện tại không thực sự hiệu quả, ngoại trừ 02 năm đầu công ty có nhận được cổ tức, những năm gần đây công ty chưa thu được cổ tức.

c). Tình hình quản lý công nợ phải thu:

- Tổng nợ phải thu ngắn hạn tại 31/12/2019 là 8.432 triệu đồng, giảm 32.375 triệu đồng so với đầu năm. Trong đó chủ yếu là do giảm nợ phải thu khách hàng ($4.818 - 38.809 = -33.991$ triệu đồng) trong khi nợ phải thu ngắn hạn khác tăng nhẹ ($3.33 - 1.73 = 1.597$ triệu đồng) và số trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi không thay đổi so với số đầu năm là 334 triệu đồng.

- Tổng nợ phải thu dài hạn tại 31/12/2019 là 8.598 triệu đồng, tăng 897 triệu đồng so số đầu năm là 7.701 triệu đồng hoàn toàn là do tăng phải thu dài hạn khác.

d). Tình hình quản lý công nợ phải trả:

- Tổng nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2019 là 22.614 triệu đồng, giảm 15.373 triệu đồng so với đầu năm. Trong đó chủ yếu là do việc giảm mạnh của các khoản: phải trả người bán ngắn hạn ($6.447 - 11.824 = -5.377$ triệu đồng), chi phí phải trả ngắn hạn ($5 - 3.073 = -3.068$ triệu đồng) và vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ($1.950 - 7.317 = -5.367$ triệu đồng) phù hợp với sự sụt giảm sản lượng sản xuất dẫn đến nhu cầu vốn lưu động cũng giảm theo (thực chất vào cuối năm 2019 công ty không còn dư nợ vay ngắn hạn, số dư nợ 1.950 tr.đ cuối năm trên bảng cân đối kế toán là do nghiệp vụ phân loại nợ dài hạn đến hạn trả được phân loại sang nợ ngắn hạn); ngoài ra khoản thuế và các khoản nộp NN có sự tăng nhẹ ($7.204 - 6.254 = 955$ triệu đồng).

- Tổng nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2019 là 2.913 triệu đồng, giảm 1.950 triệu đồng so với đầu năm là 4.850 triệu đồng hoàn toàn là do giảm khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn phục vụ cho đầu tư xây dựng cơ bản.

e). Về tình hình sử dụng lao động và chấp hành pháp luật về lao động:

+ Lao động đầu kỳ: 01/01/2019: 295 người. (trong đó: Khởi khai thác chế biến khoáng sản: 279 người; Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại: 14 người; Lao động ốm dài ngày và hợp đồng giao khoán: 02 người).

+ Lao động cuối kỳ: 31/12/2019: 238 người (trong đó: Lao động thuộc khởi khai thác khoáng sản: 226 người; Lao động Xí nghiệp Chè đắng và Thương mại: 12 người).

+ Tăng trong kỳ: 05 người (02 thợ luyện kim; 01 thợ sửa chữa cơ khí; 01 vận hành thủy điện; 01 phụ trợ)

+ Giảm trong kỳ: 62 người (Chấm dứt HĐLĐ: 57 người; Nghỉ hưu trước tuổi: 05 người).

Cơ cấu lao động khởi khai thác khoáng sản đến thời điểm 31/12/2019.

Tổng số: 226 người; Lao động quản lý 33 người chiếm 14,6%; Lao động phục vụ: 12 người chiếm 5,3%; Lao động phụ trợ: 43 người chiếm 19%; Lao động công nghệ: 138 người chiếm 61,1%.

Nguyên nhân tỷ lệ lao động quản lý còn cao hơn so với quy định là do sản xuất của Công ty có nhiều lĩnh vực chuyên môn, số lượng giảm trong năm 2019 chủ yếu là lao động trực tiếp.

- Lao động sử dụng bình quân: 260 người

Công ty đã rà soát số lao động trong khởi khai thác khoáng sản, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với tình hình sản xuất trong giai đoạn hiện nay.

f). Về chính sách tiền lương và tình hình thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng trong năm 2019:

- Thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát công ty, công ty đã thực hiện rà soát, điều chỉnh lại Hệ thống thang bảng lương công ty để đảm bảo đảm bảo bội số giãn cách giữa các bậc liên kề là 5% theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ. Qua kiểm tra chọn mẫu một số bảng lương cho thấy Công ty đã chi đúng quy định, CBCNV ký nhận tương đối đầy đủ.

- Quỹ tiền lương thực hiện:

+ Quỹ lương người lao động: Đạt 10,101/20,788 tỷ đồng bằng 48,6% so với kế hoạch, tiền lương bình quân đạt 3,23/5,97 triệu đồng/người/tháng bằng 54,1% kế hoạch năm.

+ Quỹ lương VCQL: Đạt 269,76 triệu đồng, tiền lương bình quân đạt 11,24 tr.đ/người/tháng.

g). Thực hiện pháp luật về An toàn và BHLĐ:

- Về công tác ATVSLĐ: Trong năm 2019 không để xảy ra vụ TNLĐ nào. Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, các công văn chỉ đạo, chỉ thị của các cấp về công tác AT-VSLĐ tại cơ sở.

Thực hiện kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ với tổng số là: 10 thiết bị, kiểm định thiết bị đo điện đảm bảo yêu cầu theo quy định. Thí nghiệm thiết bị dụng cụ an toàn điện thực hiện định kỳ 6 tháng/1 lần.

Công tác trang bị BHLĐ được triển khai thực hiện đầy đủ. Tiến hành đo môi trường lao động tại các vị trí sản xuất với tổng số mẫu đo: 75 mẫu.

Công ty đã tổ chức khám sức khỏe, phát hiện BNN cho 272 người, trong đó sức khỏe loại I: 19 người; Loại II: 66 người; Loại III: 104 người; Loại IV: 77 người và Loại V: 06 người. Trên cơ sở kết quả khám sức khỏe định kỳ bố trí công việc phù hợp với phân loại sức khỏe.

Kết quả thực hiện về công tác AT - BHLĐ Công ty đạt 815.220.000 đồng bằng 79% kế hoạch. Cụ thể:

- Về triển khai kế hoạch PCTT - TKCN - UCSC: Do tình hình diễn biến phức tạp của thời tiết, vì vậy trong năm nhiều sự cố cũng đã gây ra những ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, và các công trình, cơ sở vật chất của Công ty. Như sự cố sạt lở đường máng nhà máy thủy điện Nà Ngân ngày 13/6/2019; Sự cố sạt lở tại nhiều điểm, phá vỡ thành đường máng nhà máy thủy điện Na Han ngày 10 tháng 9. Mưa lớn cuốn theo đất đá làm vùi lấp nhiều điểm hang thoát nước Tuynel, công trường sản xuất...

Giá trị thực hiện công tác đạt: **466.511.000 đồng**, đạt 170,3 % kế hoạch năm

- Về công tác môi trường: Công tác quan trắc chất lượng môi trường nhà máy thủy điện Na Han, khu luyện kim được thực hiện theo định kỳ. Qua phân tích các chỉ tiêu, thông số đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép.

Bên cạnh đó, đảm bảo cho dự án khai thác khu Thập Lục Phần đi vào hoạt động trong thời điểm tháng 9, Công ty đã triển khai các hạng mục công trình làm ao lắng môi trường, thi công kho chứa chất thải nguy hại, nhà vệ sinh đảm bảo theo đúng yêu cầu báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được lập và phê duyệt.

Tổng giá trị thực hiện công tác môi trường là **116.546.000 đồng** đạt **17%** kế hoạch năm.

h). Thực hiện pháp luật về hợp đồng kinh tế:

Công ty đã thành lập hội đồng thẩm định giá (QĐ số: 70/KSLK - TCLĐTL ngày 13/01/2019). Nhiệm vụ của hội đồng lựa chọn số lượng, chủng loại vật tư và đề xuất giá mua vật cạnh tranh nhất.

Trình tự, thủ tục mua, bán vật tư của các đơn vị thực hiện theo văn bản phù hợp với các quy định của Nhà nước, của Tập đoàn, của Tổng Công ty và của Công ty. Tỷ lệ tồn kho tại thời điểm 31/12/2019 là: 14%.

Các hợp đồng kinh tế do Công ty ký kết đã tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

k). Thực hiện công tác khoán quản trị chi phí:

Đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chi phí; thường xuyên cập nhật các tiêu hao vật tư, nguyên, nhiên liệu, chi phí sản xuất, trên cơ sở phân tích chi phí, tính giá thành sản phẩm, để chủ động trong sản xuất, đưa ra các phương án sản

xuất đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Bám sát diễn biến, nhu cầu của thị trường để có các biện pháp điều chỉnh sản lượng, chất lượng sản phẩm sát với nhu cầu, có giá thành hợp lý tăng sức cạnh tranh trên thị trường, đầu tư xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

4. Về tình hình thực hiện Hợp đồng xã hội hóa khai thác mỏ sắt Nà Lũng:

4.1. Quá trình ký kết hợp đồng:

Công ty đã thực hiện hợp tác xã hội hóa đầu tư khai thác, chế biến quặng sắt tại mỏ sắt Nà Lũng theo Hợp đồng số 588/2018/HĐHT/KSLKCB- CÂN HÀ ngày 15/9/2018.

- Về cơ bản việc ký Hợp đồng ban đầu số 588 ký ngày 15/09/2018 là đúng luật, đã được HĐQT họp và nhất trí thông qua, đồng thời đã được tham vấn tư vấn luật và các phòng chức năng Tổng công ty góp ý nên các điều khoản chặt chẽ và phù hợp với điều kiện hoạt động thực tế của Công ty.

- Tại buổi làm việc của Ban kiểm soát ngày 28/03/2019 thực hiện công tác kiểm soát cuối năm 2018, Ban điều hành Công ty chỉ đưa ra bản Hợp đồng số 588 ký ngày 15/09/2018. Tại buổi làm việc của BKS thực hiện công tác kiểm soát định kỳ năm 2019 ngày 06/11/2019, Ban điều hành mới xuất trình thêm bản Phụ lục hợp đồng số 01 (của Hợp đồng số 588/2018/HĐHT/KSLK- CÂN HÀ ngày 15/09/2018). Bản Phụ lục hợp đồng này chưa từng được báo cáo HĐQT công ty xem xét, thông qua. Qua xem xét nội dung của Phụ lục hợp đồng này, Ban kiểm soát nhận thấy Phụ lục HĐ số 01 có nhiều điểm bất lợi cho Công ty như sau:

+ Điều 4: sửa đổi khoản a Điều 7 (của HĐ)- Doanh thu và sản phẩm chia cho Bên A ngoài khoản doanh thu cố định hàng tháng là 66 tr.đ/tháng còn bao gồm thêm: "Thu hồi chi phí quặng sắt nguyên khai tồn kho: 29.000.000 đ/tháng"

+ Điều 5: sửa đổi khoản b Điều 7 Bên A bàn giao cho Bên B toàn bộ khối lượng đất quặng sắt (sản phẩm dở dang) đã khai thác nhưng đưa vào nghiền tuyển trong phạm vi mỏ và được xác định giá trị bằng số liệu tồn kho của Bên A là 2.424.875.657 đ. Căn cứ vào giá trị trên Bên B sẽ thanh toán cho Bên A theo phương thức: thanh toán hàng tháng trong thời hạn HĐ có hiệu lực" (từ 15/09/2018 đến 19/04/2026).

=> Việc này đã gây khó khăn cho Công ty trong việc xuất quặng tồn kho cho Gang thép CB và có thể bị hiểu là Công ty đã giao toàn bộ số quặng tồn kho cho Bên B mà chỉ thu về 29.000.000 đ/tháng (kéo dài đến năm 2026 và có thể sẽ phát sinh khoản nợ phải thu dài hạn mà tính khả thi của việc thanh toán, thu hồi còn cần phải tiếp tục xem xét). Việc sửa đổi này còn dẫn đến nguy cơ Công ty sẽ bị xử lý vi phạm pháp luật trong việc khai thác khoáng sản.

+ Điều 6: sửa đổi Điều 8- Vi phạm Hợp đồng đã bỏ phần “ Trong trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt thì các khoản tiền góp vốn, doanh thu trả trước hàng năm tại khoản c Điều 4 và khoản a Điều 7 sẽ không được Bên A hoàn trả lại”

=> **Điều khoản mới đã vô hiệu hóa một nội dung rất quan trọng trong Điều 8 của Hợp đồng miễn trừ trách nhiệm cho bên A phải trả lại các khoản tiền bên B đã nộp cho/nộp hộ bên A để nộp tiền vào ngân sách và khoản tiền bên B trả tiền doanh thu cố định hàng tháng cho bên A, đã được bên A xuất hóa đơn GTGT.**

Mặt khác, tất cả các điểm sửa đổi bất lợi của Phụ lục hợp đồng nói trên rất dễ dẫn đến chứng minh bên A vi phạm hợp đồng và như vậy, bên B hoàn toàn có thể chấp nhận hủy bỏ hợp đồng, chịu phạt 1 tỷ đồng và đồng thời đòi bên A hoàn trả các khoản chi phí đã trả cho bên A cũng như chi phí bên B đã đầu tư vào xưởng tuyển tại Nà Lũng do đó còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh chi phí khiếu kiện kéo dài và thiệt hại do phải bồi hoàn cho bên B là rất lớn (nếu bên A bị tuyên là vi phạm).

4.2. Quá trình thực hiện hợp đồng:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, giữa hai Công ty đã có những thành quả nhất định song hiện còn nhiều tồn tại nhiều vướng mắc chưa được giải quyết do bên Công ty cổ phần Cân Hà không thể hiện thiện chí hợp tác và thực hiện đúng theo hợp đồng:

*** Số tiền phải thanh toán theo HĐ trong năm 2018 và 2019:**

- Đặt cọc thực hiện hợp đồng : 500.000.000 đồng
- Khoản góp vốn năm thứ nhất : 6.800.000.000 đồng
- Doanh thu hợp tác kinh doanh quý IV/2018 : 217.800.000 đồng
- Khoản góp vốn năm thứ hai : 2.500.000.000 đồng
- Doanh thu hợp tác kinh doanh năm 2019 : (chưa viết Hóa đơn)
 $95.000.000 \times 12 \text{ tháng} + 10\% \text{ (VAT)} = 1.254.000.000 \text{ đồng.}$

Tổng cộng các khoản phải thanh toán: 11.271.800.000 đồng

*** Các khoản đã thanh toán :**

- Tính đến ngày 26/4/2019: Cổ phần Cân Hà chuyển tổng số tiền là: 6.000.000.000 đồng và Công ty đã sử dụng nguồn tiền trên thanh toán cho các khoản :

- + Tiền sử dụng thông tin tài liệu địa chất: 2.935.166.000 đồng.
- + Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 2.298.756.000 đồng
- + Tiền thuê đất Mỏ sắt Nà Lũng Quý IV/2018: 325.797.182 đồng.

- Ngày 30/8/2019 Công ty Cân Hà nộp trực tiếp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ sắt Nà Lũng năm 2019 cho Cục thuế tỉnh CB với số tiền : 1.399.243.000 đồng

Tổng cộng các khoản đã thanh toán : 7.399.243.000 đồng

*** Vương mắc trong thực hiện hợp đồng:**

- Công ty chưa xuất hóa đơn khoản doanh thu hợp tác kinh doanh hàng tháng trong năm 2019 do bên Cân Hà chưa thanh toán hết các khoản theo hợp đồng và không có thiện chí trả lời các công văn công ty đã gửi.

- Tổng số tiền theo thỏa thuận Công ty cổ phần Cân Hà còn chưa thanh toán trong năm 2018 và 2019 là: 3.872.557.000 đồng

- Khoản tồn kho đất quặng sắt : 11.856 tấn trị giá 2.424.875.657 đồng hiện đã bàn giao cho Công ty cổ phần Cân Hà theo PLHĐ 01 nhưng đến nay bên Cân Hà đã sử dụng và không có báo cáo cho Công ty theo thỏa thuận. Ảnh hưởng đến việc báo cáo kiểm kê cuối năm 2019 và vi phạm quy định pháp luật.

*** Tồn tại về tài chính phát sinh khi vương mắc không được giải quyết triệt để:**

- Các khoản chi phí tạm treo chưa đưa vào chi phí : 2.278.865.749 đồng; trong đó :

+ Số tiền khấu hao Nhà Lũng 2019 : 526.490.122 đồng

+ Tiền thuê đất khu vực mỏ Nhà Lũng 2019 : 1.303.188.724 đồng

+ Tiền chậm nộp tiền cấp quyền khai thác chưa hạch toán : 449.186.903 đồng

- Nếu Công ty cổ phần Cân Hà tiếp tục không thực hiện theo hợp đồng, tổng số tiền lỗ năm 2019 dự kiến có thể sẽ phát sinh thêm là: 5.052 tr.đ (= 2.278 + 2.774) do phải ghi nhận các khoản chi phí đang tạm treo và hụt kho.

5. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019:

- Cổ phần phát hành : 8.000.000 cổ phần

- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/1cp

- Giá trị : 80.000.000.000 đồng

Các cổ đông đều đã góp đủ vốn điều lệ. Cơ cấu vốn góp điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

Thành viên góp vốn	Vốn điều lệ		
	Tỷ lệ (%)	Số CP	Số tiền (VNĐ)
1. Tổng công ty Khoáng sản	51,89	4.150.869	41.508.690.000
2. Cổ đông trong Công ty	2,92	233.283	2.332.830.000
3. Cổ đông ngoài Công ty	45,19	3.615.848	36.158.480.000
Tổng cộng	100%	8.000.000	80.000.000.000

6. Kết luận chung và kiến nghị:

Trong năm 2019, HĐQT và Ban giám đốc điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do ĐHCĐ đề ra. Hoạt động của Công ty không có biểu hiện trái với quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty một số vấn đề sau:

6.1. Về chiến lược phát triển dài hạn:

- Ban điều hành công ty cần quyết liệt hơn nữa trong công tác xin cấp giấy phép mỏ Nậm Kép và triển khai các dự án đầu tư khai thác các mỏ mới được cấp để tạo tiền đề đảm bảo cho công ty phát triển bền vững khi điều kiện khai thác ưu đãi tự nhiên của mỏ thiếc Tĩnh Túc không còn, tài nguyên cạn kiệt.

- Đặc biệt Ban điều hành cần phải đánh giá lại toàn diện và cân trọng các tồn tại tài chính hiện tại của công ty từ đó xây dựng kế hoạch tổng thể và có lộ trình thực hiện cụ thể để giải quyết một cách căn bản các tồn tại tài chính này với tổng giá trị phải xử lý sau khi đã sử dụng các khoản trích lập dự phòng, trừ đi giá trị thu hồi ước tính vẫn còn phải xử lý vào lợi nhuận sau thuế TNDN lên tới 11,186 tỷ đồng (mặc dù đã được xử lý một phần trong năm 2019), trong đó trước mắt nên tập trung vào 03 khoản: hàng tồn kho (giá trị phải xử lý là 3,821 tỷ đồng), thanh lý tài sản là bán thành phẩm (giá trị phải xử lý là 1,856 tỷ đồng) để thu hồi một phần vốn ứ đọng, tăng nhanh vòng quay vốn và giảm chi phí lãi vay

6.2. Về công tác quản trị:

- Tiếp tục rà soát định mức vật tư nguyên liệu, thực hiện triệt để tiết kiệm, tăng cường tận dụng các loại nguyên liệu để tái sản xuất, đặc biệt chú trọng vào các đơn vị, bộ phận đang bội chi để đảm bảo chất lượng công tác quyết toán khoán quản trị chi phí cả năm được tốt hơn.

- Rà soát lại chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tài chính sao cho đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

- Sớm xây dựng phương án thoái toàn bộ số vốn đầu tư tại Cty Thái Tuấn (Thadico) để thu hồi vốn đầu tư không hiệu quả, tránh ứ đọng vốn.

- Tích cực làm việc với các ban/ngành địa phương và Tổng cục địa chất để sớm được phê duyệt phương án khai thác tận thu mỏ thiếc Tĩnh Túc trong thời gian đưa mỏ về trạng thái an toàn.

6.3. Về công tác tổ chức điều hành:

- Ban điều hành cần phải quyết liệt hơn nữa trong xin cấp mỏ mới và xin phép khai thác tận thu mỏ Tĩnh Túc đồng thời tiết giảm hơn nữa chi phí gián tiếp (chi phí bán hàng và chi phí quản lý hiện tại và kể cả tỷ lệ năm 2018 quá cao so với doanh thu thuần từ hoạt động SXKD chính), đặc biệt là cần thiết phải kiểm tra, đánh giá sâu sắc và toàn diện hơn về hiệu quả hoạt động thuê ngoài bốc xúc bốc đất trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cơ cấu lao động, tinh giản bộ máy quản lý cho phù hợp với mô hình sản xuất hiện tại.

- Ban điều hành cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc ký kết Phụ lục hợp đồng 01 ký ngày 15/11/2018 của Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh số 588/2018/HĐHT/KSLK- CÂN HÀ ngày 15/09/2018 khi chưa được HĐQT xem

xét thông qua, hành vi này đã vi phạm điểm m, điểm n - khoản 3- điều 25 của Điều lệ Công ty quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT và cần tuyệt đối tránh việc ký kết các hợp đồng vượt thẩm quyền.

6.4. Về tổ chức sản xuất:

- Về lâu dài: công ty cần phát huy tối đa công suất của dây chuyền thiết bị, duy trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, xử lý sự cố kịp thời đảm bảo máy móc thiết bị luôn chạy ổn định; làm tốt công tác đào tạo, đào tạo lại để không ngừng hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý và tay nghề cho CBCNV. Ngoài việc quan tâm đến vấn đề sản xuất, Công ty cần đặc biệt quan tâm chú trọng đến vấn đề ATVSLĐ, PCCN.

- Có cơ chế trả lương khuyến khích đối với đội ngũ thợ vận hành ô tô, máy xúc, thợ sửa chữa để người lao động yên tâm công tác.

6.5. Về hạn chế tác động bất lợi của việc ký kết PLHD xã hội hóa khai thác Nà Lũng:

- Đề nghị HĐQT chỉ đạo Ban điều hành rà soát, đánh giá tác động của Hợp đồng Hợp tác đầu tư kinh doanh số 588/2018/HĐHT/KSLK- CÂN HÀ ngày 15/09/2018 và đặc biệt là Phụ lục Hợp đồng số 01 ký ngày 15/11/2018. Đánh giá thiệt hại của Phụ lục HĐ số 01 (nếu có) và làm rõ trách nhiệm của cá nhân, phòng ban liên quan.

- Có biện pháp giải quyết vướng mắc, thúc đẩy tiến độ của Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 588 ký ngày 15/09/2018 theo hướng thiện chí hợp tác và đôi bên cùng có lợi.

- Trong trường hợp không có tiếng nói chung với Bên B, cần thiết thuê tư vấn về luật pháp để xem xét các ảnh hưởng của phụ lục hợp đồng 01 từ đó đưa ra các biện pháp ứng xử thích hợp, thậm chí có thể đưa vụ việc ra Tòa án giải quyết tránh để dây dưa kéo dài gây bất lợi cho Công ty.

7. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

Để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban kiểm soát mong muốn tiếp tục nhận được sự phối hợp, sự hợp tác của HĐQT, Ban giám đốc, lãnh đạo các phòng ban chức năng công ty, lãnh đạo các đơn vị và các Quý cổ đông công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2020. Ban kiểm soát dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban năm 2020 như sau:

- Tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm trong công tác kiểm soát hoạt động và kiểm soát tài chính của công ty.

- Kiểm soát việc chấp hành Nghị quyết đại hội, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quyết định của HĐQT và Giám đốc công ty.

- Phối hợp với Ban giám đốc, tổ chức chính trị và các tổ chức đoàn thể trong công ty trong việc củng cố, nâng cao chất lượng công tác quản trị chi phí, đội ngũ kiểm soát nội bộ công ty.

- Thực hiện đầy đủ chức năng quyền hạn của Ban kiểm soát theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty.

Trên đây là những nội dung về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát công ty trong năm qua và phương hướng hoạt động cho năm 2020 xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông. Năm 2019, Ban Kiểm soát công ty nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao phó. Để đạt được kết quả đó, ngoài sự nỗ lực của từng thành viên Ban kiểm soát không thể thiếu sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, các đơn vị/ phòng ban công ty cũng như các Quý cổ đông của công ty. Do vậy, thay mặt các thành viên trong ban kiểm soát, cho phép tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý vị.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thanh Long

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Số: 251/TTr-KSLK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập biểu quyết thông qua ngày 12/5/2006 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua BCTC năm 2019 của Công ty đã kiểm toán, Báo cáo tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2019 sau kiểm toán được Công ty đăng tại địa chỉ website <http://cmamc.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS (B/c);
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Tiên Hải

Cao Bằng, ngày 30 tháng 3 năm 2020

**CÔNG KHAI MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
NĂM 2019**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
A- Tình hình tài chính ,				
I- Tài sản ngắn hạn	100 - BCĐKT	37.815	71.987	(34.172)
1-Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	1.295	4.128	(2.833)
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130 - BCĐKT	8.433	40.807	(32.374)
3- Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	27.795	27.011	784
4- Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	292	41	251
II- Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	53.307	63.720	(10.413)
1- Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	8.599	7.702	897
2- Tài sản cố định	220 - BCĐKT	31.129	41.198	(10.069)
- Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	218.968	244.981	(26.013)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	(187.839)	(203.783)	(15.944)
3-Tài sản dở dang dài hạn	240 - BCĐKT	12.165	11.777	388
4- Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	105	105	-
5- Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	1.309	2.938	(1.629)
III- Nợ phải trả	300 - BCĐKT	25.527	42.850	(17.323)
1- Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	22.614	37.987	(15.373)
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	6.447	11.824	(5.377)
- Người mua trả tiền trước	312-BCĐKT			
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313-BCĐKT	7.210	6.254	956
- Phải trả người lao động	314-BCĐKT	2.630	2.739	(109)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	6	3.073	(3.067)
- Phải trả ngắn hạn khác	319-BCĐKT	702	2.538	(1.836)
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	1.950	7.318	(5.368)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322-BCĐKT	3.669	4.241	(572)
2- Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	2.913	4.863	(1.950)
- Phải trả dài hạn khác	337 - BCĐKT	13	13	-
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 - BCĐKT	2.900	4.850	(1.950)
IV- Vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	65.595	92.857	(27.262)
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	80.000	80.000	-
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		41.508	41.508	-
2 - Quỹ đầu tư phát triển	418- BCĐKT	5.555	5.555	-
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 - BCĐKT	780	780	-
4 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 - BCĐKT	(29.872)	(3.350)	(26.522)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a - BCĐKT	(3.350)	(3.842)	492
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b - BCĐKT	(26.522)	492	(27.014)
5- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433 - BCĐKT	9.132	9.872	(740)
B/ Kết quả kinh doanh				
1- Tổng doanh thu	01+21+31- BCKQKD	42.142	105.868	(63.726)
Trong đó: Doanh thu bán hàng		39.911	103.282	(63.371)
Doanh thu hoạt động tài chính		60	87	(27)
Thu nhập khác		2.171	2.499	(328)
2- Tổng lãi (+), lỗ (-) .	50- BCKQKD	(26.522)	501	(27.023)
3- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60 - BCKQKD	(26.522)	492	(27.014)
4- Tổng phải nộp ngân sách		21.370	20.560	810
C/ Các chỉ tiêu đánh giá khác .				
1- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu.		số âm	số âm	

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
2- Lợi nhuận / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	số âm	số âm	
3- Tổng nợ phải trả / Vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	0,45	0,52	
4- Khả năng thanh toán	lần	3,57	3,17	
5 - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,67	1,90	
6 - Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,43	1,18	
7 - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	41%	53%	
8 - Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	59%	47%	

TP. TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



Cung Lê Hoàng



Trần Văn Chương

Cao Bằng, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng,

Ban kiểm soát Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 chấp thuận và ủy quyền cho Ban kiểm soát phối hợp với Ban điều hành Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đáp ứng các tiêu thức và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết với chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS (B/c);
- Lưu HĐQT;

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thanh Long

Cao Bằng, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng,

Do kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty lỗ 26,522 tỷ đồng, nên Công ty sẽ không có cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm 2020.

Theo kế hoạch trình thông qua, dự kiến lợi nhuận trước thuế năm 2020 của Công ty là 2.218 triệu đồng. Năm 2020 Công ty không chia cổ tức, không trích lập các quỹ, toàn bộ lợi nhuận dùng để bù đắp khoản lỗ lũy kế những năm trước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS (B/c);
- Lưu HĐQT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tiên Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

Số: 253/TTr-KSLK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 không đạt được như kết quả đã thông qua, HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thống nhất không thực hiện chi trả phụ cấp cho các thành viên HĐQT và BKS.

Căn cứ nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 03/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 28/2016/TT- BLĐT BXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Công ty dự kiến kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 như sau:

TT	Chức danh	Số lượng	Mức lương cơ bản Tr.đ/ng/th	Tiền thù lao đ/ng/tháng	Số tháng	Tiền thù lao đồng/năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	24,0	2.400.000	12	28.800.000
2	Thành viên HĐQT	4	21,0	2.100.000	12	100.800.000
3	Trưởng BKS	1	21,0	2.100.000	12	25.200.000
4	Ủy viên BKS	2	19,0	1.900.000	12	45.600.000
	Cộng					200.400.000

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức thực tế chi trả cho HĐQT và Ban kiểm soát sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS (B/c);
- Lưu HĐQT;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Tiến Hải